

shēng zì

#### 生字 New Characters







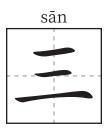












zhè home / family this / these bà bà mā mā dad / father mama / mother dōu all / both love hé shì is / are / am and sān three

#### 会话 Conversation

xiǎo wáng zhè shì wǒ de jiā 1.小王:这是我的家。

**1.** Little Wang: This is my home.

#### 会话 Conversation

1.小王:这是我的爸爸。 zhè shì wǒ de mā mā 这是我的妈妈。

**1.** Little Wang: This is my father.

This is my mother.

#### Conversation

1. 小王:我爱爸爸。 wǒ ài mā mā 我爱妈妈。

**1.** Little Wang: I love father.

I love mother.

#### 会话 Conversation

1.小王:爸爸爱我。
妈妈爱我。

bà bà hé mā mā dōu ài wǒ
爸爸和妈妈都很爱我。

**1.** Little Wang: Father loves me.

Mother loves me.

Father and mother both love me very much.

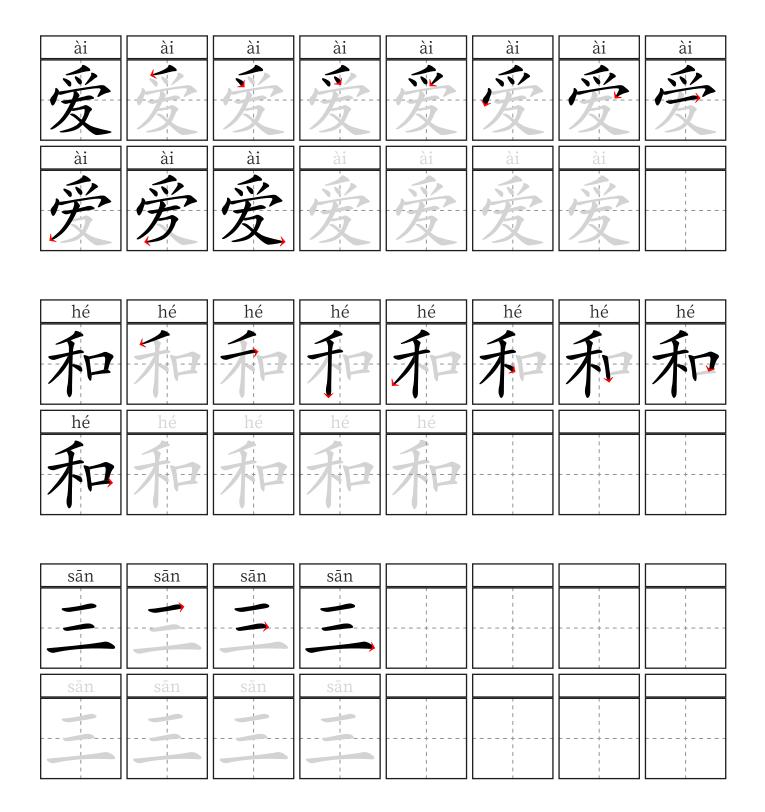


SC-L3

zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè
这	X	X	<b>ジ</b>	文	这	汶	这
zhè	zhè	zhè	zhè				
17	文文	文文	文文				
				1	1	1	
shì 足	shì	shì	shì	shì	shì	shì	shì
shì	shì	shì	shì	shì	shì		
!	1	5111	5111				
里	里			4/	4		
		人	人	人	人	1	1 1 1
dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu
都	都	都	都	才	才	者	者
dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	
者	者3	都	都	都	都	都	

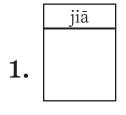
P8 SC-L3

#### 活动 Activities



SC-L3

Choose correct character

















(b)



(c)









(b)



(c)

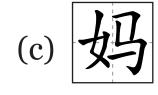




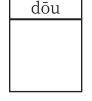




















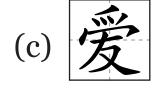
6.





(b)







#### 活动 Activities

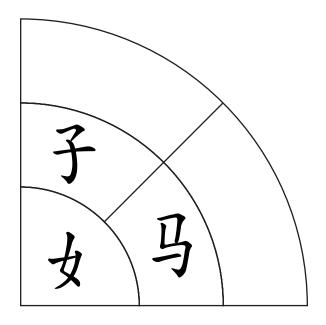
Choose correct character

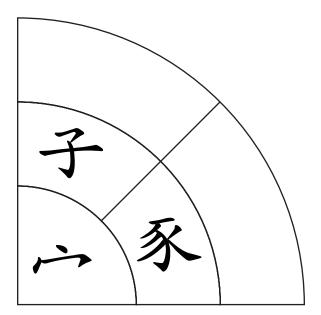


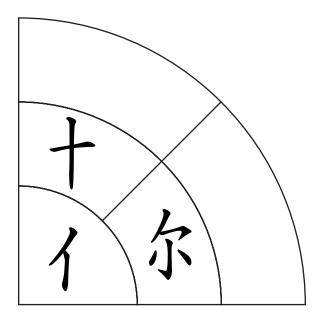


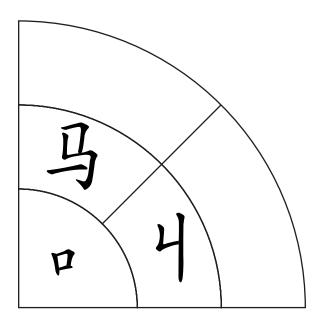
SC-L3 P11

• Combine character radical and component









P12

jiā	jiā	jiā	jiā	jiā	jiā	jiā	jiā
jiā	家	家		jiā	jiā	jiā	jiā
jiā	jiā	jiā			 		

SC-L3

bà	bà	bà	bà	bà	bà	bà
_	<b>/</b>	1	父	父	父	父
E	E		E			B
	1			1	1	
1						
	1 1 1	1 1 1	1 1 1	1 1 1	1 1 1	1 1 1
	 	1	1	 	1 1 1 1	1
+						
	1 1 1	 	1	1 1 1	1 1 1	 
	1 1 1	1 1 1	 	1 1 1	1 1 1	1 1 1
	1			1	1	
       						+

P14 SC-L3

me	me	me	me	mā	mā	mā	
妈	妈	好	如马	如	妈	妈	

P15 SC-L3

zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè	zhè
这	这	这	文	这	这	汶	这
		,	, , , , , , , , , , , , , , , , , , ,		,	,	
 	 	 	 	+	 	 	
 	1 1 1	1 1 1 1	 	 	 	 	 
	1	1			1	1	
1	1 1 1	 	 		 	 	1 1
1	1 1 1	 	 	1	 	1 1 1	1
1 1	1 1 1 1	1 1 1 1	 	 	 	1 1 1 1	 
 		         		+	         	         	         

P16 SC-L3

shì	shì	shì	shì	shì	shì	shì	shì
是	足	足	更大	日人	更足	是	是
shì F	shì 足						

SC-L3 P17

dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu	dōu
都	都	都	都	才	者	者	者
dōu 古	dōu 者3	者的					
1							

P18

ài	ài	ài	ài	ài	ài	ài	ài
爱	发	发	7		龙	ài	勞
ài	ài 芳	ài 芳					

SC-L3

hé	hé	hé	hé	hé	hé	hé	hé
和	和	和	和	F	和	和	和
hé							
和							
	1						
						1	
! ! !	         	       		         	         	         	
	+						
 	1 1 1			 	 	 	 
:	!	:	· ·				:
1	 	; ; ;	; ; ;	; ; ;	; ; ; ;	 	i   
 	1 1 1 1	1	 	 	 	 	 

P20 SC-L3

sān	sān	sān	sān				
	-			 	1	1	
						1	
						-	
i i	i i						
	1			1 1 1		1	
1	1				!		:
	!			!		!	<u> </u>
	1	1				1	
							<u> </u>
1 1 1	 	1	1	1	1	1	
	1						
1					1		

SC-L3 P21